

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày 14/6/2018

“*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Át;
2. Ông Lương Trường Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2013/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2013 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1962;
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn M, sinh năm 1952;
Địa chỉ: Tổ 9, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đậu Thị T1; Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đậu Thị T1 là ông Nguyễn T; địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 28/3/2013) – Có mặt.

+ Bà Lê H; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng

mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê H là ông Nguyễn M; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 28/3/2013) - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Năm 2004, vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng 1.540m² đất của ông Nguyễn L nằm trong thửa số 109^a, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.650m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số D0448893 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ cũ cấp ngày 11/4/1995 đứng tên ông L, tọa lạc tại xã Quảng Thành, huyện Đắk Nông cũ (nay là tổ 9, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông), giá chuyển nhượng là 10.000.000 đồng, hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng có chứng thực của UBND xã Q. Đến ngày 28/01/2005, hộ ông T được UBND huyện Đ cũ cấp GCNQSDĐ số AB 150235, thửa số 109^a, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.540m², trên đất có trồng cây điều và cây cà phê. Đến năm 2008, Nhà nước mở rộng Quốc lộ 14 đã thu hồi của hộ ông T 607,4m² đất, vợ chồng ông T đã nhận tiền đền bù và bàn giao đất. Ngày 22/9/2009, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã G điều chỉnh lại diện tích đất tại thửa 109^a, tờ bản đồ số 03 của gia đình ông T là 932,6m² đất (sau khi trừ diện tích nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ theo Quyết định thu hồi số 379/QĐ-UBND ngày 28/02/2008 của UBND thị xã G).

Năm 2012, chị vợ chồng ông T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì phát sinh tranh chấp với ông Nguyễn M, ông M không ký giáp ranh liên kề. Vợ chồng ông T phát hiện ông M lấn chiếm khoảng 250,8m² đất, trị giá khoảng 50.000.0000 đồng. Do đó, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn M trả lại diện tích đất lấn chiếm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn M trình bày:

Năm 1985, vợ của ông M là bà Lê H là công nhân của Xí nghiệp giống cây con (Xí nghiệp T) và ông M là công nhân của Xí nghiệp vận chuyển lâm sản thuộc Liên hiệp lâm công nghiệp G. Vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên vợ chồng ông M xin đất của Lâm trường để ở và sản xuất. Đất có tứ cận phía Đông giáp đường Phan Bội Châu; Tây giáp đất ông L và một phần quốc lộ 14, Bắc giáp đất ông Lập, ông Nam; Nam giáp đất ông Sáu N nay đã chuyển nhượng cho ông T2 (BL 28, 32).

Năm 1995, gia đình ông Nguyễn L đến phát dọn khai hoang, phần đất của ông M giáp với đất của ông L. Đất của gia đình đất và ông L đều là đất dốc và được cấp GCNQSDĐ. Gia đình ông M được cấp GCNQSDĐ với diện tích 3.760m² đất, thuộc thửa 111, tờ bản đồ số 03.

Năm 1997, gia đình ông M bị Nhà nước thu hồi một phần đất.

Diện tích đất gia đình ông M sử dụng hiện nay có tứ cận:

Phía đông giáp đường N (nay là đường Phan Bội C);

Phía tây giáp đất ông L đã chuyển nhượng cho ông T.

Phía nam giáp đất ông Sáu N, hiện ông Sáu N đã chuyển nhượng cho ông Ba Đ và bà H T2, trong phần diện tích đất của gia đình ông M về phía Nam thì năm 2005 gia đình ông M có chuyển nhượng cho gia đình bà Bảy Đ diện tích 1.160m².

Năm 2005, ông M có làm đơn và được UBND xã Q xác nhận quyền sử dụng đất diện tích của gia đình ông M sử dụng khoảng 24.000m², có tứ cận như ông M đã khai hoang.

Khi ông L làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, thì ông T đều không thông báo cho ông M ký giáp ranh.

Năm 2008, Nhà nước thu hồi đất của ông T để mở rộng Quốc lộ 14 nhưng ông M không biết.

Đến ngày 10/7/2012, gia đình ông T mời đội đo đạc của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G đến đo đạc phần diện tích đất nằm dưới đường Nguyễn Tất T và đã đo đạc vào phần diện tích đất của gia đình ông M, phần đất này có tứ cận như sau:

Phía bắc dài 26m; Phía nam dài 22m; Phía đông dài 24,1m (đều giáp đất của gia đình ông M); phía tây dài 24,6m, giáp đất của gia đình ông M.

Vợ chồng ông M không lần chiếm đất của vợ chồng ông T. Do đó, ông M đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đậu Thị T1 thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn T và không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê H thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn M và không trình bày gì thêm.

Tại Công văn số 312/CV-VPĐKĐ, ngày 06/11/2017 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G về việc trả lời lòng ghép đất tranh chấp, thể hiện Căn cứ vào Quyết định thu hồi số 370/QĐ-UBND, ngày 28/02/2008 của UBND thị xã G và đối chiếu với bản đồ giải thửa số 03 (xã Q cũ) thì thửa đất số 109a có các canh còn lại sau khi điều chỉnh thu hồi như sau: Phía đông giáp thửa 110 dài 28m, phía Tây giáp đường QL14 dài 32,5m, phía Nam giáp thửa 171 dài 20m, phía Bắc giáp thửa 213 dài 20,5m, diện tích là 612,5m².

Tại bản trích đo diện tích đất thực tế và căn cứ vào mốc thu hồi theo Quyết định thu hồi số 370/QĐ-UBND, ngày 28/02/2008 của UBND thị xã G của hộ gia đình ông Nguyễn T và ông Nguyễn M; địa chỉ: Phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông ngày 04/02/2018 của Trung tâm đo đạc và tư vấn tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông thể

hiện: Diện tích đất thực tế sau khi thu hồi của ông Nguyễn T sử dụng là 445,9m² và phần đất thu hồi nhưng không sử dụng là 46,3m², diện tích là 492,2m².

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn T thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn M trả lại diện tích đất lấn chiếm là 492,2m² vì ông cho rằng diện tích thực tế hiện nay ông sử dụng là đúng với diện tích được đo đạc. Bị đơn ông Nguyễn M cho rằng sau khi thu hồi Quốc lộ 14 thì đất của ông T đã hết nên ông T không có quyền sử dụng đất. Ông M khẳng định là ông không lấn đất của ông T và vẫn nguyên quan điểm của mình, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 3 Điều 159 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, công nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T là 492,2m² và đề nghị UBND thị xã G điều chỉnh lại Giấy chứng nhận GCNQSDĐ số AB 150235, thửa số 109^a, tờ bản đồ số 03 của hộ ông Nguyễn T diện tích 932,6m² theo diện tích thực tế sử dụng ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn M trả lại diện tích lấn chiếm là 492,2m² nên quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đất tranh chấp tọa lạc tại tổ 9, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân thị xã G thụ lý, giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T yêu cầu ông Nguyễn M phải trả lại diện tích đất tranh chấp là 492,2m², Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất của nguyên đơn đang sử dụng là từ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn L 1.540m² đất, diện tích đất này nằm trong thửa số 109^a, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.650m², theo GCNQSDĐ số D0448893 do UBND huyện Đ cũ cấp ngày 11/4/1995 đứng tên ông L (BL 10-11). Đến năm 2005, gia đình ông T được

UBND huyện Đ cũ cấp GCNQSDĐ số AB150235, thửa số 109^a, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.540m². Năm 2008, Nhà nước mở rộng Quốc lộ 14 đã thu hồi của gia đình ông T 607,4m² đất. Ngày 22/9/2009, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã G đã điều chỉnh lại diện tích đất tại thửa 109^a, tờ bản đồ số 03 của gia đình ông T là 932,6m² đất, sau khi trừ diện tích nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ theo Quyết định thu hồi số 379/QĐ-UBND ngày 28/02/2008 của UBND thị xã G (BL126).

[2.2] Về nguồn gốc đất của bị đơn đang sử dụng là do khai hoang năm 1985. Năm 1995, gia đình ông M được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ với diện tích 3.769m², thửa đất số 111, tờ bản đồ số 3. Năm 2005, vợ chồng ông M có chuyển nhượng cho ông Bảy Đ một phần đất diện tích 1.160m². Cùng năm 2005 vợ chồng ông M có làm giấy xác nhận được UBND xã Q xác nhận diện tích đất gia đình ông M sử dụng còn lại khoảng 24.000m². Năm 2008, Nhà nước có thu hồi một phần diện tích đất của gia đình ông M, ông M đã nhận tiền đền bù và giao đất. Ông M khẳng định đến thời điểm hiện nay phần đất giáp với đất ông T chưa cấp GCNQSDĐ cho ông M. Diện tích đất còn lại hiện nay của ông M cũng không xác định được. Mặc khác, ông M cho rằng đất của ông T sau khi thu hồi Quốc lộ 14 đã hết nên ông không có tranh chấp đất với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ xác định diện tích đất còn lại của ông T để giải quyết yêu cầu của ông T.

[2.3] Trong quá trình đo đạc thực tế sử dụng đất bị đơn không đồng ý đo đạc đất của bị đơn đang thực tế sử dụng và không chỉ mốc ranh giới.

[2.4] Theo Biên bản giải quyết của UBND N, ngày 24/10/2012 thể hiện ông T thừa nhận diện tích đất ông đang sử dụng đất là 607.4m²; ông M xác định diện tích đất còn lại của ông T là 325,2m² (BL08).

[2.5] Tại bản trích đo diện tích đất thực tế và căn cứ vào mốc thu hồi theo Quyết định thu hồi số 370/QĐ-UBND, ngày 28/02/2008 thể hiện: Diện tích đất thực tế của nguyên đơn sử dụng là 492,2m², so với diện tích được điều chỉnh trong GCNQSDĐ số AB 150235, thửa số 109^a, tờ bản đồ số 03 của gia đình nguyên đơn là 932,6m² đất (BL126);

[2.6] Tại Công văn số 312/CV-VPĐKĐ, ngày 06/11/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G về việc trả lời lồng ghép đất tranh chấp, thể hiện: Căn cứ vào Quyết định thu hồi số 370/QĐ-UBND, ngày 28/02/2008 của UBND thị xã G và đối chiếu với bản đồ giải thửa số 03 (xã Quảng Thành cũ) thì thửa đất số 109a có các cạnh còn lại sau khi điều chỉnh thu hồi như sau: Phía đông giáp thửa 110 dài 28m; phía Tây giáp đường QL14 dài 32,5m; phía Nam giáp thửa 171 dài 20m; phía Bắc giáp thửa 213 dài 20,5m; diện tích là 612,5m².

[2.7] Tại Công văn số: 312/CV-VPĐKĐ, ngày 06/11/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã G trả lời Công văn số: 46/CV-VPĐKĐ ngày 06/11/2017 của

Tòa án nhân dân thị xã G là không thể lồng ghép được, lý do ranh giới tại thời điểm cấp GCNQSDĐ và thời điểm hiện tại có sự biến động quá lớn, ngoài ra theo bản đồ đo đạc năm 1995 không phải là bản đồ số nên việc lồng ghép không chính xác.

[2.8] Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc ngày 04/02/2018 của Trung tâm đo đạc và tư vấn tài nguyên môi trường, xác định diện tích đất thực tế còn lại của ông T là 492,2m². Việc thừa nhận này của nguyên đơn là phù hợp với thực tế sử dụng đất mà nguyên đơn đang sử dụng và có xác nhận của các hộ đất giáp ranh. Diện tích đất đo thực tế thấp hơn nhiều so với diện tích 932,6m² trong GCNQSDĐ số AB150235, thửa số 109^a, tờ bản đồ số 03 và cũng thấp hơn so với Công văn trả lời số 312/CV-VPĐKĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, diện tích là 612,5m².

[2.9] Xét quan điểm giải quyết về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của mình có diện tích 492,2m² là có căn cứ. Đất có tứ cận cụ thể:

Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn M dài 23,8m

Phía Tây giáp Quốc lộ 14 dài 23,9m;

Phía Nam giáp ông Đặng Q dài 19,6m;

Phía Bắc giáp đất ông Đậu D dài 21,5m;

(Kèm theo trích đo địa chính khu đất phục vụ giải quyết tranh chấp giữa hộ ông Nguyễn T và ông Nguyễn M; địa chỉ: Phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông).

Đề nghị UBND thị xã G điều chỉnh lại Giấy chứng nhận GCNQSDĐ số AB 150235, thửa số 109^a, tờ bản đồ số 03 của hộ ông Nguyễn T diện tích 932,6m² theo diện tích thực tế sử dụng ở trên.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2013 là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) (BL47); Chi phí đo đạc với Trung tâm đo đạc và tư vấn TNMT tỉnh Đắk Nông theo phiếu thu số PT00091 ngày 27/9/2017 là 2.408.000đ (hai triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng). Tổng số tiền là 2.908.000đ (hai triệu chín trăm linh tám nghìn đồng).

Trong đó số tiền thu do ông Nguyễn T nộp gồm 4.000.000đ (bốn triệu đồng) gồm có: Ngày 05/4/2013 là 2.000.000đ (hai triệu đồng) BL 43; ngày 03/7/2013 nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) BL 69; đã hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền còn lại là 1.092.000đ (một triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) ông T đã nhận đủ.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc đất là 2.908.000đ (hai triệu chín trăm linh tám nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc ông Nguyễn M và bà Lê H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn T 1.250.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 3 Điều 159 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Công nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T và bà Đậu Thị T1 có diện tích đất 492,2m², có tứ cận cụ thể:

Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn M dài 23,8m;

Phía Tây giáp Quốc lộ 14 dài 23,9m;

Phía Nam giáp ông Đặng Q dài 19,6m;

Phía Bắc giáp đất ông Đậu D dài 21,5m;

(Kèm theo trích đo địa chính khu đất phục vụ giải quyết tranh chấp giữa hộ ông Nguyễn T và ông Nguyễn M; địa chỉ: Phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông).

Đề nghị UBND thị xã G điều chỉnh lại Giấy chứng nhận GCNQSDĐ số AB 150235, thửa số 109^a, tờ bản đồ số 03 của hộ ông Nguyễn T diện tích 932,6m² theo diện tích thực tế sử dụng ở trên.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc ông Nguyễn M và bà Lê H trả cho ông Nguyễn T tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất là 2.908.000đ (hai triệu chín trăm linh tám nghìn đồng);

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Ông Nguyễn M và bà Lê H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn T 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004247 ngày 14/3/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan được quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến